

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/DS-ST
Ngày: 25-10-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

2. Bà **Trần Thị Thu Hà**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Bùi Văn C**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 8, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2022 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

Chị Trần Thị T có nợ tiền hội và tiền vay của chị cụ thể:

*** Tiền hội:**

Nguyên vào năm 2014 chị Trần Thị H làm chủ thảo hội 02 dây hội tiền mở (khui) hội theo vụ lúa 01 năm mở (khui) hội 01 lần. Hội có lãi thông qua hình thức đến kỳ mở (khui) hội bỏ thăm ai kêu thăm cao được trúng thăm lĩnh hội. Ví dụ hội 1.000.000đ kêu thăm 300.000đ trúng thăm được lĩnh hội. Hội viên đóng góp tiền hội sống (chưa lĩnh hội) là 700.000đ.

Hội viên nào lĩnh hội rồi thì đóng góp tiền hội (hội chết) là 1.000.000đ. Chủ thảo có nhiệm vụ tổ chức mở (khui) hội đúng ngày và gom tiền các hội viên đóng góp tiền hội chết, tiền hội sống. Chủ thảo trừ tiền hoa hồng chủ thảo được hưởng mỗi lần người trúng thăm được lĩnh hội là 500.000đ.

Số tiền còn lại hội chết, hội sống chủ thảo sẽ giao cho người trúng thăm được lĩnh hội. Cụ thể các dây hội:

1. Dây hội 1: Hội 1.000.000đ/4 tháng mở (khui) hội 01 lần.

- Mở hội lần đầu ngày 10/01/2014 âm.

- Kết thúc hội (mãn hội) ngày 20/05/2020 âm.

Dây hội gồm có 18 phần hội viên tham gia đóng góp hội. Trong đó chị T tham gia 01 phần. Chị T đã đóng góp được 04 kỳ tiền đóng góp hội sống là 2.155.000đ. Đến kỳ mở (khui) hội lần thứ 05 chị T bốc thăm kêu hội là 360.000đ trúng thăm được lĩnh hội. Chủ thảo gom tiền 01 phần hội viên đóng góp tiền hội sống là 13 phần x 640.000đ = 8.320.000đ; 04 phần hội chết là 4.000.000đ, tổng cộng 12.320.000đ.

Chủ thảo trừ tiền hoa hồng chủ thảo được hưởng là 500.000đ. Số tiền còn lại là 11.820.000đ chủ thảo đã giao đủ cho Trần Thị T. Trần Thị T còn phải đóng góp lại là 13 lần tiền góp hội chết là 13.000.000đ. Chị T đã đóng góp được 07 lần là 7.000.000đ. Chị T còn phải đóng góp tiền hội chết đến mãn hội là 06 lần số tiền là 6.000.000đ. Nhưng chị T không đóng góp tiền hội chết. Chị là chủ thảo phải đóng chằng tiền đóng góp hội chết cho chị T đến mãn hội là 6.000.000đ.

2. Dây hội 2: Hội 1.000.000/tháng mở (khui) hội 01 lần.

- Dây hội này mở (khui) hội lần đầu là ngày 15/03/2018.

- Mãn hội ngày 15 tháng 7 năm 2019.

- Dây hội gồm có 17 phần hội viên tham gia đóng góp tiền hội. Trong dây hội này Trần Thị T tham gia đóng góp tiền hội là 01 phần hội viên. Mở hội lần đầu ngày 15 tháng 03 năm 2018. Chị T kêu 300.000đ trúng thăm được lĩnh hội. Các hội viên đóng góp tiền hội sống 01 phần hội viên là 700.000đ x 16 phần = 11.200.000đ. Chủ Thảo trừ tiền hoa hồng chủ thảo được hưởng của hội viên là 11.200.000đ - 500.000đ còn lại là 10.700.000đ chị là chủ thảo gom hội đã giao đủ số tiền 10.700.000đ cho Trần Thị T. Chị Trần Thị T đóng góp tiền hội chết cho chị được 05 lần tiền góp hội chết là 5.000.000đ. Chị Trần Thị T còn phải đóng góp tiền hội chết đến mãn hội là 11 lần số tiền là 11.000.000đ nhưng T không đóng chị phải đóng chàng hội chết cho chị T đến mãn hội số tiền là 11.000.000đ.

Tổng số tiền chị đóng chàng tiền góp hội chết đến mãn 02 dây hội cho chị T là 6.000.000 đ + 11.000.000đ = 17.000.000đ.

Chị nhắc nhở chị T nhiều lần chị T hẹn lần lựa đến nay không giao trả cho chị số tiền 17.000.000đ.

* Tiền vay:

Ngoài số tiền góp hội nói trên chị Trần Thị T còn nhờ chị mượn nợ dùm cho chị T như sau:

Vào ngày 23/7/2018 ả chị Trần Thị T có đến nhà chị nói với chị là chị T mua đất bị thiếu tiền nhờ chị mượn dùm số tiền là 10.000.000đ trong vòng 20 ngày chị T trả lại cho chị trả người ta.

Đến ngày 27/7/2018 ả chị T đến nhà chị nói là chồng chị T là anh Bùi Văn C gặp người ta bán bày vịt để anh C muốn mua mà không đủ tiền nên chị T nhờ chị mượn thêm cho chị T 10.000.000đ nữa để cho chồng chị mua bày vịt, chị thấy tình thân thiết giữa gia đình chị và gia đình chị T bấy lâu nay nên chị mượn thêm cho chị T là 10.000.000đ, chị T hẹn 20 ngày trả đủ số tiền mà chị T mượn trước trả luôn cho chị trả lại cho người ta.

Đến ngày 11/8/2018 chị T đến nhà chị nói chồng chị T mua vịt về mà vịt bị bệnh không đẻ nổi chị T nhờ chị mượn cho chị T 30.000.000đ để chị T đáo hạn ngân hàng rồi chị T sẽ làm hồ sơ vay lại chị T trả lại số tiền mà chị T nhờ chị mượn dùm, chị thấy tình thân thiết giữa hai gia đình xưa nay nên chị mượn thêm cho chị T là 30.000.000đ nữa để chị T trả tiền ngân hàng, chị T vay lại để có tiền lo cho việc nuôi vịt.

Đến ngày 17/8/2018 ả chị gặp chị T, chị hỏi chị T “chưa vay được tiền sao”, chị T nói với chị là 02 ngày nữa nhận tiền ngân hàng chị T đem tiền ra cho chị trả lại cho người ta.

Đến ngày 19/8/2018 ả chị đến nhà chị T thì chồng chị nói là chị T đã bỏ nhà đi rồi. Chị điện thoại cho chị T thì không nghe máy. Đến ngày 24/8/2018 ả chị điện thoại thì chị T nghe máy, chị T nói ít bữa về chị gửi tiền cho chị trả cho người

ta. Việc chị T mượn tiền là nhằm sử dụng chung cho gia đình nên anh Bùi Văn C chồng chị T cũng phải có trách nhiệm.

Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C phải trả cho chị số tiền mà chị đã cầm hội 02 dây hội đến khi mãn hội là 17.000.000đ và tiền vốn vay là 50.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

**** Đối với bị đơn chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C:***

Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 8, xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện anh C có mặt tại địa phương, chị T không có mặt tại địa phương đi không trình báo với C quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T anh C cố tình không hợp tác.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp:
- + 02 danh sách hội bản photo.
- + 01 biên nhận bản gốc.
- + Đơn xác nhận.
- + Phiếu chuyển phát nhanh.

Tài liệu chứng cứ của bị đơn cung cấp: Do bị đơn chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn C vắng nên không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, chị T anh C biết rõ chị Trần Thị H kiện tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản với anh chị. Nên quyết định xét xử vắng mặt chị T anh C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Hợp đồng góp hội giữa chị Trần Thị H với chị Trần Thị T là hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ là giao tiền hội cho chị T xong. Nhưng chị T không đóng lại tiền hội chết cho chị H 02 dây hội

đến nay đã mãn, chị H đã chàng hui cho chị T 02 dây hui số tiền là 17.000.000đ. Nay chị H yêu cầu chị T anh C trả cho chị số tiền hui là **17.000.000đ**.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Thị H với chị Trần Thị T ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận.

Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ giao cho chị T nhận số tiền vốn vay 03 lần là 50.000.000đ. Sau khi vay thì chị T không trả tiền cho chị H. Nay chị H yêu cầu chị T và anh C có trách nhiệm trả cho chị số tiền vốn vay là 50.000.000đ, chị không yêu cầu tính lãi.

Theo giấy biên nhận ngày 04/11/2019 nội dung “Tôi tên Trần Thị T sinh năm 1974 nay tôi có thừa nhận là thiếu chị Trần Thị H sinh năm 1971 là 50.000.000đ (Năm chục triệu đồng)”. Theo chị H trình bày chữ viết trong biên nhận ngày 04/11/2019 là do chị T viết.

[4] Từ những căn cứ trên mặc dù chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C vắng mặt nhưng có căn cứ xác định chị T anh C còn nợ chị Trần Thị H số tiền hui là **17.000.000đ và tiền vốn vay là 50.000.000đ**.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 471 Bộ luật dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C cùng có trách nhiệm nộp 3.350.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 465, 466, 471 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, **Điều 26** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H.

[1] Buộc chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị H số tiền hui là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) và tiền vốn vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tổng cộng 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn C cùng có trách nhiệm nộp 3.350.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị H không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho chị Trần Thị H số tiền 1.675.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0008187 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm phần lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Vui

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Vui

